

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 8 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng.
Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị M, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã H, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1979. Địa chỉ: cư trú Ấp Đ, xã H, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Văn R tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, được gia đình hàn gắn nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Về con chung, gồm: Nguyễn Thúy A, sinh ngày 05/02/2002 và Nguyễn Thị Mỹ Nn, sinh ngày 02/3/2005 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; về nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Văn R tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn; từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận; về nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Văn R.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0011965 ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau thì bà M đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Càn